

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/THIÊN PHONG/2024

SẢN PHẨM: CÀ PHÊ HẠT RANG NGUYÊN CHẤT 100%.

Sản phẩm của: HỘ KINH DOANH THIÊN PHONG.

Thôn Đăk Prông, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Kon Tum, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/THIÊN PHONG/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **HỘ KINH DOANH THIÊN PHONG.**

Địa chỉ: **Thôn Đăk Prông, xã Chư Hreng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.**

Điện thoại: **0905.989.210**

Mã số doanh nghiệp: **6101212851**

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: **41/2024/NNPTNT-TKT Cấp**
ngày **04/11/2024** Nơi cấp: **Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.**

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Cà phê Hạt rang nguyên chất 100%.**

2. Thành phần: **100% Robusta**

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: **01 năm kể từ ngày sản xuất.**

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Quy cách đóng gói: **500gram; 1kg hoặc theo yêu cầu của khách hàng.**

- Chất liệu bao bì: **Chất liệu bao bì bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành về vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.**

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Hộ kinh doanh Thiên Phong sản xuất, kinh doanh sản phẩm cà phê Hạt rang nguyên chất 100% đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

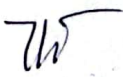
- QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Kon Tum, ngày 04 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)


Trần Thị Liên

THIỆN PHONG[®]
Coffee



Thành phần:
Cà phê Robusta 100%
Độ ẩm $\leq 5\%$
Hàm lượng Caffein $> 1\%$
Sản xuất tại:
Cơ sở sản xuất cà phê Thiện
Phong
ĐC: Thôn Đək Prông, xã Chư Hreng,
thị trấn phố Kon Tum
ĐT: 0905989210 - 0378236286
Số TCB: 04/THIỆN PHONG/2024

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng
mát.

Hạn sử dụng một năm kể từ
ngày sản xuất (xem trên bao bì)



CÀ PHÊ HẠT RANG NGUYÊN CHẤT 100%



THIỆN PHONG[®]
Coffee

CÀ PHÊ RANG XAY
NGUYÊN CHẤT



500g

- ARABICA
- ROBUSTA
- CULI

A sip of paradise to begin your day!

Hướng dẫn sử dụng:

 Cho 20g cà phê
bột vào phin

 Lắc đều và ép nhẹ
cà phê.

 Cho khoảng 25ml
nước tinh khiết vào
phin ở nhiệt độ từ
95°C – 100°C, chờ cà
phê ngấm đều sau đó
châm thêm khoảng
40ml sôi.

 Thêm đường, sữa,
hoặc đá tùy sở thích.



8 938507 234012



CÀ PHÊ HẠT RANG NGUYÊN CHẤT 100%



THIỆN PHONG[®]
Coffee



500g

COFFEE

A sip of paradise to begin your day!

Handwritten signature.

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỘ KINH DOANH THIÊN PHONG
Address (Địa chỉ) : THÔN ĐẮK PRÔNG, XÃ CHƯ HRENG, THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU KIỂM NGHIỆM:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : S132319002
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : CÀ PHÊ BỘT THIÊN PHONG ĐẶC BIỆT LOẠI S
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu chứa trong túi kín
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 19/11/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 19/11/2024
Report date (Ngày trả kết quả) : 22/11/2024

Notes / Ghi chú:

- ^(*) Test parameter is sent to subcontractor accredited by LAB / Chi tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi Phòng kiểm nghiệm.
- ⁽¹⁾ Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chi tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- ⁽³⁾ Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chi tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương.
- ⁽⁴⁾ Parameter is designated by Ministry of Health / Chi tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế.
- ⁽⁵⁾ Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chi tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng.
ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện
< LOQ: The analyte can be detected but not quantification/ Phát hiện chất phân tích nhưng không định lượng.
- Test result(s) are valid on the tested sample(s). It is issued under our Terms and Conditions. Sci-Tech only resolves complaints about analytical results within 7 days from the date of reporting.
Kết quả kiểm nghiệm có giá trị trên mẫu đã kiểm. Kết quả này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của công ty. Sci-Tech chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong 7 ngày từ ngày trả kết quả.
- The test result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Sci-Tech is granted.
Kết quả này không được sao chép, một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện Sci-Tech.

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



NGUYỄN VĂN ĐẠO

On behalf of SCI-TECH
Đại diện SCI-TECH
CÔNG TY CỔ PHẦN SCI-TECH
Q. TÂN PHÚ - TP. HỒ CHÍ MINH



VŨ ĐỨC HẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI-TECH

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0931.004.818
Email: info@sci-techvn.com
Website: sci-techvn.com

Form code/ Mã biểu mẫu: QA-PR-0020/FO-01

LBH: [01]

NHL: 23/11/2023

Page/ Trang: 1 / 2

TEST REPORT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Code/ Mã mẫu:

S132319002/1



No./ STT	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
1	Độ ẩm	TCVN 7035:2002	%	0.03	1.04
2	Asen (As) ⁽¹⁾	AOAC 986.15	mg/kg	0.020	ND
3	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	0.003<LOQ (0.005)
4	Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/kg	0.020	ND
5	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	AOAC 971.21	mg/kg	0.006	ND
6	Ochratoxin A ⁽¹⁾	CH.TM-3029 (Ref. TCVN 9724:2013)	µg/kg	1.00	ND
7	Caffeine ⁽¹⁾	CH.TM-3055 (Ref. TCVN 9723:2013)	%	0.0075	2.39